

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
974	Võ Thị Cẩn		1933	271917552	Kp4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
975	Hoàng Thị Ý		1933	270568146	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
976	Lương Thị Khô		1933	270572284	Kp4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
977	Võ Thị Hoa		5/1933	270565809	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
978	Hoàng Thị Thứ		6/1933	270565079	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
979	Vũ Văn Định	20/10/1927		270528045	Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
980	Hồ Thị Phong		1934	270564916	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
981	Đoàn Văn Nghìn	1934		272047801	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
982	Phan Thị Chanh		1934	270964869	Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
983	Nguyễn Thị Phú	2/5/1934		270572305	Kp4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
984	Chương Phổ Cú	5/5/1934		Không có CMND	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
985	Đặng Văn Đề	1928		270881614	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
986	Hoàng Thị Soan		5/7/1934	270565085	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
987	Lương Thị Gái		10/6/1934	270572299	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
988	Nguyễn Thị Đàm		1/1/1935	270565597	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
989	Nguyễn Thị Xuân		1/1/1935	171718764	Kp4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
990	Bùi Thị Khuê		2/6/1934	174154085	Kp4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
991	Vũ Văn Đăng	6/4/1935		270565873	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
992	Nguyễn Thị Diên		1/1/1935	270565458	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
993	Đoàn Thị Suy		10/7/1935	270572006	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
994	Trần Thị Tới		8/8/1935	270564826	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
995	Nguyễn Thanh Liêm	23/6/1935		270564531	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
996	Nguyễn Thị Phú		1/1/1935	270564383	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
997	Phan Năng	1/1/1936		270565180	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
998	Lê Loan	1/1/1936		270960905	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
999	Phạm Thị Nhịn		1/1/1936	270564685	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1000	Lê Thị Vàng		9/10/1935	270565552	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1001	Lã Quang Tài	17/1/1935		270565422	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1002	Nguyễn Thị Quyên		1/1/1936	270537338	Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1003	Trần Lương	20/02/1936		270568195	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1004	Vương Thái Hình	20/3/1936		271988093	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1005	Trần Thị Sinh	1/1/1936		272790682	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1006	Diệp Huệ Quang	9/4/1936		270669952	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1007	Hoàng Thị Trà	20/6/1936		270360145	Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1008	Hoàng Văn Lộc	1/1/1936		270723727	Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1009	Nguyễn Thị Đăng		1/1/1937	272014539	Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1010	85	Phạm Thị Giáo	1/1/1937	270565623	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1011	86	Phạm Thị Dương	1/1/1937	không có CMND	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1012	87	Trần Thị Thắm	1/1/1937	270582794	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1013	88	Nguyễn Thị Mân	1/1/1937	270564484	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1014	89	Nguyễn Văn Chúc	1/1/1937	271086351	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1015	90	Lê Tỷ	1/1/1937	270564950	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1016	91	Nguyễn Thị Dề	30/3/1937	270565447	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1017	92	Ngô Xuân Cự	12/3/1937	272255583	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1018	93	Lê Thị Tuy	1/1/1937	270372089	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1019	94	Nguyễn Thị Hoà	15/7/1937	270565709	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1020	95	Nguyễn Thị Đào	5/8/1937	270550525	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1021	96	Bùi Cường	16/8/1937	270565326	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1022	97	Nguyễn Văn Chiếu	10/10/1937	270565757	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1023	98	Nguyễn Thị Nén	12/10/1937	270565740	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1024	99	La Thị Vui	1/1/1938	270564238	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1025	100	Lê Thị Tâm	1/1/1938	272634507	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1026	101	Vy Đức Thành	1/1/1938	270564472	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1027	102	Hoàng Thị Thông	1/1/1938	272549935	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1028	103	Chê Lý Mùi	20/4/1938	270564274	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1029	104	Nguyễn Như Ngọc	5/12/1938	270565063	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1030	105	Dương Thị Hương	6/6/1938	270564526	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1031	106	Nguyễn Nho Hình	7/3/1938	270137161	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1032	107	Trương Thị Cam	4/4/1938	270961004	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1033	108	Đỗ Thị Tâm	8/1/1938	271316706	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1034	109	Đoàn Phát Lâm	11/19/1938	270565564	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1035	110	Lê Thị Mít	1/1/1939	272256511	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1036	111	Lương Thị Hương	5/25/1933	200117689	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1037	112	Hà Thị Nhít	1/15/1939	270565427	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1038	113	Nguyễn Thị Thanh	1/1/1939	270564969	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1039	114	Nguyễn Hữu Ngọc	1/11/1939	271075780	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1040	115	Nguyễn Thị Mai	1/1/1939	272137923	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1041	116	Đoàn Thị Kiêm	1/1/1932	276034203	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1042	117	Hồ Thị Dưa	1/1/1936	190014912	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1043	118	Nguyễn Tân Nhuận	9/2/1939	272137863	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1044	119	Nguyễn Thị Thiết	3/7/1937	270565327	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1045	120	Đỗ Thị Hương	11/11/1939	270918928	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1046	Lê Thị Viễn		10/20/1939	272614845	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1047	Lê Thị Hiền		1/1/1940	271048911	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1048	Nguyễn Việt Tâm	1/17/1940		270580221	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1049	Lý Văn Sóng	1/11/1940		270565848	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1051	Đinh Thị Vái		1/1/1940	270565603	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1052	Trần Thị Hai		2/10/1940	270565864	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1053	Trương Từ	4/20/1938		271306039	Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1054	Lê Thị Kim Hoàng		4/10/1940	271836772	Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1055	Phạm Thị Thêm		4/20/2020	271917344	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1056	Vy Tiến Cam	1929		270564825	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1057	Nguyễn Thị Mùi		1945	không có CMND	Kp2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1058	Võ Hữu Nghĩa	1952		271917957	Kp1	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1059	Nguyễn Văn Chức	1946		272163330	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1060	Hoàng Thị Lâu		1928	270565963	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1061	Vũ Thị Nụ		1945	không có CMND	Kp3	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1063	Hoàng Thị Bồn		1929	270565223	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1064	Trần Thị Nam		1930	270564360	Kp2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1065	Loan Văn Kỳ	26/6/1946		270565674	Kp3	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1066	Trương Tấn Bình	22/4/1950		170011731	Kp3	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1067	Lã Văn Am	1/1/1936		270816325	Kp1	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1068	Nguyễn Tiến Lua	1/10/1952		không có CMND	Kp3	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1069	Hoàng Thị Thìn		28/8/1952	271397606	Kp3	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1070	Huyền Văn Quan	1930		270565341	KP3	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1071	Nguyễn Thị Hiếu		1933	270565184	Kp2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1072	Lê Thị Hồng		1/1/1945	270961072	Kp1	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1073	Nguyễn Thị Xảo		1930	270564947	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1074	Nguyễn Thị Thảo		1931	272423615	KP4	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1075	Nguyễn Nuôi	22/4/1930		285449002	Kp2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1076	Võ Thị Nguyệt		10/10/1935	270565900	Kp3	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1077	Trần Thị Tú		25/9/1954	270565149	Kp2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1078	Huyền Thị Tuyết		1930	270565475	KP3	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1080	Đặng Thị Vệt		1926	không có CMND	KP3	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1081	Trần Thị Dương		1930	190407001	KP1	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1082	Phan Hoàng Phi		1/1/1930	270565544	Kp3	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1083	Phạm Thị Gái		11/9/1941	272497093	Kp2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1084	Nguyễn Văn Minh	1927		270564358	KP4	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Tự cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1085	160	Đường Ngọc Hậu	5/10/1954		KP1	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1086	161	Trần Thọ	1/1/1933	270960983	Kp1	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1087	162	Mai Xuân Vinh	2/27/1958	271113378	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1088	163	Hồ Thị Diệc		24/03/1934	Kp4	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1089	164	Lê Thị Ba		1/1/1940	KP1	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1090	165	Trần Thị Gấm		8/15/1939	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1091	166	Nguyễn Mạnh Hùng	9/6/1959		KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1092	167	Trần Văn Sâm	1930	271444794	KP3	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1093	168	Vy Văn Pầu	11/17/1959	270572220	KP3	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1094	169	Trần Gia Huy	30/10/2005	270565745	KP3	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1095	170	Phạm Minh Khang	24/12/2012		Kp4	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1096	171	Mai Hữu Nhật Duy	24/4/2015		Kp2	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
1097	172	Chu Khai Thành	7/3/2013		Kp3	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
1098	173	Trần Ngọc Khôi Nguyễn	17/1/2016		Kp3	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
1099	174	Ngô Đức An Khang	18/9/2012		Kp3	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
1100	175	Nguyễn Văn Tuấn	1983		Kp3	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
1101	176	Nguyễn Trần Thúy Hằng		Không có CMND	Kp1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1102	177	Nguyễn Thị Lan Anh		1991	Kp1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1103	178	Nguyễn Thị Ngọc Nga		1990	Kp2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1104	179	Hoàng Thụy Phương Thảo		1962	Kp2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1105	180	Bé Ngọc Hoan		1983	KP1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1106	181	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	1971		Kp3	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1107	182	Bùi Thị Kim Thu		1992	KP3	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1108	183	Bùi Chương		1981	KP4	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1109	184	Trần Minh Toàn	1964		KP4	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1110	185	Phạm Thị Hoài Thanh	1994		KP1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1111	186	Phan Tiên Quân		1993	KP1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1112	187	Võ Ngọc Nhung	1990		KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1113	188	Nguyễn Văn Hùng Phương	1963		KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1114	189	Hồ Ngọc Tùng	1994		KP3	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1115	190	Nguyễn Thị Oanh	1975		Kp3	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1116	191	Thủ Đạo Sum		1967	KP1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1117	192	Phạm Xuân Tiến	1968		KP3	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1118	193	Phạm Anh Tuấn	20/7/1963		KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1119	194	Nguyễn Hoài Ân	16/3/1978		KP4	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1120	195	Nguyễn Văn Tùng	24/1/1990		KP1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
			1966		Kp1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
					Tô 7.Kp3	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1121	Lê Thị Xuân Lan		1/1/1967	270561939	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1122	Phạm Văn Thân	1/1/1964		272042968	KP3	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1124	Nguyễn Đình Cường	8/6/2002		Không có CMND	Kp4	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1125	Nguyễn Thị Khanh Như		21/10/2002	hông có CMND	Kp2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1126	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc		16/11/2002	hông có CMND	Kp1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1127	Huỳnh Minh Châu	8/24/1960		271632975	Kp1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1128	Ninh Hồng Đức	8/6/2003		Không có CMND	Kp4	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1129	Đặng Minh Hùng	2/6/1969		270857441	Kp3	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1130	Phan Văn Quyền	1941		270960902	KP1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1131	Nguyễn Thị Trinh		1951	270568345	Kp1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1132	Nguyễn Văn Sỹ	1937		Không có CMND	Kp2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1133	Ngô Thị Lèo		1927	270564698	Kp2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1134	Lý Thị Hoàng		1934	270565812	Kp3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1135	Nguyễn Văn Bé	1942		270538144	Kp1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1136	Huỳnh Thị Xuân		19/08/1951	270560279	Kp2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1137	Nguyễn Tấn Vàng	1/12/1952		272040935	Kp3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1138	Đàm Thị Thêm		1/1/1952	272813077	KP3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1139	Lê Thị Huệ		1949	290960891	KP1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1140	Nguyễn Văn Phú	1/1/1956		271917378	KP1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1141	Mai Văn Hòa	1/1/1956		271910199	KP1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1142	Bùi Xuân Nhi	4/5/1941		270564817	Kp1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1143	Nguyễn Thị Ai		1956	270565203	KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1144	Trần Văn Muồng	24/04/1934		270565185	Kp2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1145	La Văn Tài	20/02/1952		029883218	Kp2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1146	Nguyễn Thị Trang		1/1/1957	270564956	KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1147	Trần Thị Dê		15/5/1940	272136973	KP3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1148	Trịnh Văn Thành	1958		270973029	KP3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1149	Nguyễn Thị Kim Tạng		30/7/1943	270564345	KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1151	Nguyễn Thị Hợi		1/1/1948	272335874	Kp4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1152	Nguyễn Văn Sen	1/1/1950		271642335	Kp1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1153	Phạm Thị Thuận		20/10/1958	270565695	KP4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1154	Lê Thị Lý		15/8/1958	271988868	KP4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1155	Nguyễn Hồng Giang	1/1/1947		271514030	KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1156	Nguyễn Thị Hồng Mai		1/1/1955	270564922	Kp2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1157	Nguyễn Văn Khương	1/1/1955		270564645	Kp1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1158	Đinh Thị Thanh		3/3/1948	017237783	Kp4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/hệ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1159	234 Chu Văn Khuyển	8/27/1959			Kp3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1160	235 Nguyễn Lê Hoàng Yến		10/12/2005	141445073	Kp4	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1161	236 Phạm Minh Sang	26/3/2007			Kp1	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1162	237 Hồ Trung Thành	19/11/2009			Kp1	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1163	238 Nguyễn Vũ Quỳnh Hương		19/10/2010		Kp3	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1164	239 Lao Trần Diễm My		8/20/2015		Kp3	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1165	240 Trần Ngọc Thiên An		11/26/2013		Kp2	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1166	241 Trần Ngọc Thiên Tâm		11/26/2013		Kp2	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1167	242 Vòng Minh Đạt	2/9/2013			Kp3	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1168	243 Nguyễn Phương Hạnh		1974	271048934	Kp2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1169	244 Hoàng Hòa	1967		270857502	Kp2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1170	245 Ngô Bích Phương		1982	271463513	Kp2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1171	246 Nguyễn Thanh Phương		1991	không có CMND	Kp2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1172	247 Nguyễn Thị Kim Hiếu		1974	không có CMND	Kp3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1173	248 Hồ Ngọc Hiệp	1993		271601930	Kp3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1174	249 Nguyễn Thị Hạnh		1966	272497226	Kp3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1175	250 Trần Duy Hưng	1984		271600344	Kp1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1176	251 Lê Thị Thu		1969	không có CMND	Kp1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1177	252 Đặng Ngọc Thanh	1988		271774034	Kp3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1178	253 Phạm Nhật Hiền	1996		không có CMND	Kp3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1179	254 Nguyễn Ngọc Cảnh	1968		270857544	Kp2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1180	255 Bùi Thị Thủy		1968	không có CMND	Kp1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1181	256 Nguyễn Phương Anh		1985	271603238	Kp2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1182	257 Hoàng Thị Linh Yên		1978	271316645	Kp3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1183	258 Hòa Anh Tuấn	1976		271395480	Kp4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1184	259 Phan Huỳnh Phương	10/1981		271404434	Kp2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1185	260 Phan Huỳnh Quang	3/1988		271835235	Kp2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1186	261 Nguyễn Văn Bình	1979		290960891	Kp2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1187	262 Trần Ngọc Châu	1982		271463544	Kp4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1188	263 Nguyễn Duy Liêm	12/10/1966		271718713	Kp2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1189	264 Lý Thị Ngọc		24/4/1966	270857280	Kp3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1190	265 Vũ Thị Liễu		1/1/1963	không có CMND	Kp4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1191	266 Trần Tuyết Ngọc		1998	không có CMND	Kp4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1192	267 Nguyễn Thành Hải	14/10/1961		270079735	Kp3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1194	269 Phạm Thanh Hưng	3/9/1996		272422350	Kp3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1195	270 Trương Dương Trường	1/1/1963		272614299	Kp3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1196	Ngô Quân Nghĩa	13/3/1991		272137104	KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1197	Nguyễn Văn Bé	10/10/1963		271758806	KP4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1198	Nguyễn Hưng	7/3/1972		270960900	KP1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1199	Lê Thị Mỹ Dung		1/1/1962	272235982	KP1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1200	Phan Minh Lâm	1/1/1961		270572093	KP3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1201	Nguyễn Thị Thao		20/10/1976	272423254	KP1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1202	Phan Đình Minh	10/10/1964		271917465	KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1203	Phạm Gia Huân	7/8/2001		Không có CMND	KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1204	Nguyễn Văn Thế	29/3/1962		271113491	KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1205	Đỗ Thị Hà		10/6/1983	164119894	KP4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1206	Trần Thị Kim Hiếu		17/11/2001	Không có CMND	Kp1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1207	Thái Doãn Vinh	6/10/1979		271704337	Kp3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1208	Trần Cao Hiệp	27/8/2002		Không có CMND	KP3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1209	Lê Thị Thơm		1/20/1967	270724512	Kp4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1210	Bàng Nguyễn	12/3/1982		271569485	Kp1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1212	Bùi Thanh Phong	12/23/1976		320865108	Kp1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1213	Lê Hùng	12/10/1960		270565246	Kp2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1214	Nguyễn Huỳnh Nhân	28/4/2003		Không có CMND	KP1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1215	Nguyễn Thị Tuyết Trinh		11/12/1974	271758295	KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1216	Hoàng Quốc Vinh	5/15/1964		270564637	KP1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1217	Nguyễn Thị Lanh		30/7/2003	Không có CMND	Kp1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1218	Ngô Chân Nhân		10/6/2003	272906570	Kp3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1219	Mã Kim Hằng		1/1/1971	271075335	Kp1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1220	Trần Bá Thành		09/04/1996	270816362	Kp1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1221	Lê Yến Vi		15/2/2000		KP3	Trẻ em mồ côi	450.000	1.500.000	
1222	Nguyễn Thị Nhiêm		1950	270520683	KP2	Già neo đơn trên 60 tuổi	450.000	1.500.000	
1223	Nguyễn Thị Chính		1927	270565732	Tổ 10, Kp4	Già neo đơn trên 80 tuổi	600.000	1.500.000	
	Nguyễn Thị Thuý Dung (Lê Nguyễn Tường Vy 2010 Lê Nguyễn Chi Nam 2011)					hộ nghèo đơn thân nuôi con nhỏ			
1224	299		12/4/1981	271463373	Kp4		600.000	1.500.000	
1225	01	26/6/1928		270816588	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1226	02		7/20/1924	272671126	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1227	03		08/02/1934	030681774	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1228	04		09/02/1935	270583926	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1229	05	1/1/1934		270565304	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1230	06		3/20/1933	272397906	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đội tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				T trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1231	07 Đặng Thị Ta		1/1/1935	270455068	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1232	08 Đinh Phước Đức	1/1/1935		270521585	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1233	09 Đoàn Ngọc Anh	14/12/1935		264016076	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1234	10 Đỗ Đức Ngân	11/17/1938		270144024	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1235	11 Hoàng Thị Liễu		1/1/1935	271988482	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1236	12 Lại Văn Nụ	21/1/1936		271851179	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1237	13 Lê Thị Tiú		9/15/1939	272256015	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1238	14 Nguyễn Thanh Bình	1/1/1935		271058739	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1239	15 Nguyễn Thị Âm		10/18/1932	272204153	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1240	16 Nguyễn Thị Hồng Vân		8/12/1937	270595909	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1241	17 Nguyễn Thị Kim Anh		9/30/1937	270137046	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1242	18 Nguyễn Thị Liễu		1/1/1936	272497052	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1243	19 Nguyễn Thị Nghiêm		1/1/1932	270136499	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1244	20 Nguyễn Thị Sảng		1/1/1937	270317694	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1245	21 Nguyễn Thị Sen		1/1/1924	310496142	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1246	22 Nguyễn Thị Toan		1/1/1938	270690005	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1247	23 Nguyễn Thị Trường		12/1/1937	270774761	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1248	24 Nguyễn Văn Thành		12/02/1940	270584873	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1249	25 Nguyễn Văn Thi	1/1/1937		270536765	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1250	26 Nguyễn Xuân Anh	1/1/1921		Không có	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1251	27 Phạm Ngọc Dũng	06/01/1938		270880873	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1252	28 Phan Thị Diệu	12/10/1932		270595832	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1253	29 Phan Thị Nga	7/25/1936		Không có	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1254	30 Phan Thị Nga		1/1/1929	260145071	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1255	31 Trần A Ứng	1/1/1930		Không có	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1256	32 Trần Bùi Minh	5/15/1934		270917240	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1257	33 Trần Quang Hiên	5/5/1930		272136899	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1258	34 Võ Thị Nga		1/1/1926	Không có	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1259	35 Võ Thị Nguyệt		1/1/1937	270791663	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1260	36 Vũ Thị Yên		1/1/1936	270565301	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1261	37 Bùi Thị Công		1/1/1933	270560528	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1262	38 Dương Thị Băng		5/12/1939	270537450	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1263	39 Đặng Thị Tất		1/1/1923	Không có	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1264	40 Đoàn Thị L. ôc		31/12/1939	270539018	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1265	41 Hoàng Thị Tường		1/1/1935	272790064	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1266	42		15/05/1930	Không có	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1267	Hồ A Vong		6/24/1929	270031769	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1268	Huỳnh Thị Thu Vinh		1/1/1932	271593765	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1269	Lê Thị Yên		1/1/1930	270302903	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1270	Lý Sĩ		1/1/1926	Không có	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1271	Lý Thị Lang		1/1/1925	270538337	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1272	Nguyễn Đức Phẫu	12/10/1929		270302902	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1273	Nguyễn Thị Ba		1/1/1920	260328663	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1274	Nguyễn Thị Hanh		1/1/1940	270538724	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1275	Nguyễn Thị Hào	1/1/1923		Không có	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1276	Nguyễn Thị Hồ		1/1/1940	270537493	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1277	Nguyễn Thị Hoa		1/1/1937	270539297	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1278	Nguyễn Thị Phấn		1/1/1935	270537951	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1279	Nguyễn Văn An	8/25/1938		272497233	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1280	Nguyễn Văn Giốc	8/8/1936		270536891	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1281	Nguyễn Văn Sơn	1/1/1940		270583995	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1282	Nguyễn Văn Sơn	1/1/1940		270538722	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1283	Thống Chấn Kiu		1/1/1935	271143344	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1284	Trần Hòa	1/1/1938		270769886	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1285	Trần Thị Bòn		12/10/1937	272790595	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1286	Trần Thị Giây		1/1/1939	270852618	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1287	Trần Thị Thiên		1/1/1937	272587193	Khu Phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1288	Trịnh Thị Mến		01/02/1923	272790200	Khu Phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1289	Diệp Thị Cúc		1/1/1935	270537244	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1290	Dương Hiền	29/11/1937		270868754	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1291	Đỗ Văn Thanh	24/01/1938		210339948	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1292	Huỳnh Thị Đào		05/02/1936	020705689	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1293	Huỳnh Thị Tiết		1/1/1940	270536683	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1294	Lai Thị Gương		1/1/1930	270536545	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1295	Lê Thị Thơ		1/1/1935	270539478	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1296	Lê Việt Quang	1/1/1935		270537243	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1297	Mai Thị Thụy		1/1/1932	270536602	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1298	Nguyễn Diệu	05/10/1935		Không có	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1299	Nguyễn Đình Sáu	1/1/1929		270539479	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1300	Nguyễn Thị Hoa		1/1/1937	270538654	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1301	Nguyễn Thị Kim Anh		1/1/1939	271084137	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1302	Nguyễn Thị Quyết		1/1/1939	270539545	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1303	79 Nguyễn Trang	1/1/1933		27042842	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1304	80 Phạm Văn An	1/1/1939		270917589	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1305	81 Nguyễn Văn Sơn	1/1/1937		270538385	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1306	82 Phan Thế Doãn	1/1/1939		270651949	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1307	83 Phan Thế Châm		14/3/1936	190547236	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1308	84 Sơn A Sáng	4/1/1925		270567653	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1309	85 Trần Lực	1/1/1930		270537226	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1310	86 Trần Quỳ Phi	03/02/1940		270567668	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1311	87 Trần Thị Cảnh		1/1/1936	270538046	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1312	88 Trần Thị Sơn		1/1/1937	270537124	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1313	89 Võ Thị Chiến		1/1/1939	270536655	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1314	90 Võ Thị Hoàng		1/1/1937	270536733	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1315	91 Võ Thị Lợi		1/1/1915	Không có	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1316	92 Vũ Đức Thiên	1/1/1935		272634114	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1317	93 Bùi Thị Thành		1/1/1935	270538549	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1318	94 Đào Tây	1/1/1930		270537707	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1319	95 Đỗ Thị Đạt		1/1/1926	Không có	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1320	96 Đỗ Văn Tron	11/9/1929		270137051	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1321	97 Dương Ngủ Mười		31/12/1939	270538448	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1322	98 Hầu Mộc Kiu		1/1/1934	270815098	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1323	99 Hồ Tùng	5/1/1932		270536917	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1324	100 Hồ Văn Tư	1/1/1927		270537665	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1325	101 Lê Thị Bé		1/1/1939	Không có	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1326	102 Lê Thị Lén		1/1/1935	270583597	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1327	103 Lê Thị Ngừ		1/1/1936	270536707	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1328	104 Lê Thị Sáng		1/1/1934	272014339	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1329	105 Lê Thị Tích		1/1/1933	270538979	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1330	106 Lê Thị Thái		1/1/1927	270537959	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1331	107 Long Nhi Mùi		1/1/1932	270538565	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1332	108 Lý Sỹ		1/1/1924	270564659	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1333	109 Lý Văn Tâm	1/1/1929		270537290	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1334	110 Nguyễn Đại	1/1/1939		Không có	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1336	112 Nguyễn Thị Bảy		1/1/1931	270537352	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1337	113 Nguyễn Thị Chon		1/1/1932	270537735	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1338	114 Nguyễn Thị Liém		1/1/1936	270537726	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1339	115 Nguyễn Thị Miến		1/10/1939	025098863	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1340	Nguyễn Thị Nuôi		1/1/1934	270537666	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1341	Nguyễn Thị Nhân		1/1/1936	Không có	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1342	Nguyễn Thị Quý		7/25/1935	270537897	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1343	Nguyễn Thị Sáng		1/1/1930	272422420	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1344	Nguyễn Thị Tích		1/1/1925	270537679	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1345	Nguyễn Thị Tư		1/1/1934	270669739	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1346	Nguyễn Thị Thao		1/1/1929	Không có	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1347	Nguyễn Thị Thát		20/03/1939	270537349	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1348	Nguyễn Thị Trâm		1/1/1938	270538740	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1349	Nguyễn Thị Út		1/1/1932	270536648	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1350	Nguyễn Văn Dưỡng	1/1/1939		270537221	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1351	Phạm Thị Cứu		1/1/1935	270537122	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1352	Phạm Thị Chất		20/08/1937	270537590	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1353	Phạm Thị Mai		1/1/1927	270539455	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1354	Tần Sỹ		1/1/1935	270537368	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1355	Trần Pháp Toàn	31/12/1938		271084134	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1356	Trần Thái	1/1/1934		270537336	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1357	Trần Thị Bảy		1/1/1926	270537545	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1359	Trần Thị Dạng		1/1/1937	Không có	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1360	Trần Thị Hôn		1/1/1930	270537395	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1361	Trần Thị Liễu		1/1/1936	Không có	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1362	Trần Thị Mai		1/1/1939	270537156	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1363	Trần Thị Nhan		1/1/1939	270537737	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1364	Trần Thị Tâm		25/07/1939	270537412	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1365	Trần Thị Xuân		1/1/1932	270537345	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1366	Trần Thị Yết		1/1/1936	270877789	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1367	Trần Văn Xê	1/1/1928		Không có	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1368	Võ Thị Cúc		1/1/1937	270536570	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1369	Vòng Năm Quay	8/24/1937		270537677	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1370	Vũ Thị Luận		1/1/1931	270539570	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1371	Biêng Thị Tiếng		30/11/1937	270537825	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1372	Cao Thị Nưa		1/1/1917	270538254	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1373	Dín A Kiu		1/1/1935	270537769	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1374	Dương Thị Tâm		1/1/1937	270538692	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1375	Dương Văn Vĩnh	1/1/1939		270538203	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1376	Đặng Thị Hỷ		1/1/1921	270538695	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/hệ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tương Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Tỷ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1377	153 Đoàn Thị Xê		1/1/1940	270537928	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1378	154 Hà Thị Sầu		1/1/1921	270538177	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1379	155 Hoàng Thái Phò		10/07/1937	271435928	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1380	156 Lê Tấn Nghiêm		1/5/1927	270538525	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1381	157 Lê Thị Nhanh		1/1/1938	270537884	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1382	158 Lê Thị Sầu		1/1/1927	270538418	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1383	159 Lê Thị Ty		1/1/1928	272423316	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1384	160 Lê Văn Kiên		1/1/1940	270537932	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1385	161 Nguyễn Bạch Yến		1/1/1932	270538893	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1386	162 Nguyễn Cương		02/07/1939	270960577	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1387	163 Nguyễn Quang		1/1/1938	270537207	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1388	164 Nguyễn Thị Bảy		1/1/1939	270537810	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1389	165 Nguyễn Thị Chắt		20/05/1930	270538836	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1390	166 Nguyễn Thị Chinh		08/10/1931	Không có	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1391	167 Nguyễn Thị Chuốt		1/1/1937	270538645	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1392	168 Nguyễn Thị Dũng		1/1/1932	270538794	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1393	169 Nguyễn Thị Hạp		1/1/1928	270536815	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1394	170 Nguyễn Thị Liên		1/1/1930	270537936	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1395	171 Nguyễn Thị Một		1/1/1936	270538268	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1396	172 Nguyễn Thị Quý		1/1/1937	270536764	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1397	173 Nguyễn Thị Tiên		12/09/1937	271210022	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1399	175 Nguyễn Thị Vương		1/1/1929	270669768	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1400	176 Nguyễn Văn Bảy		1/1/1938	270857040	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1401	177 Nguyễn Văn Giáo		1/1/1929	270538461	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1402	178 Nguyễn Văn Mẫn		1/1/1936	270537711	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1403	179 Nguyễn Văn Sáu		1/1/1929	270537387	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1404	180 Phạm Chơn		1/1/1916	272163360	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1405	181 Phạm Hữu Hiền		1/1/1939	270538800	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1406	182 Phạm Lai		1/1/1933	270538734	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1407	183 Phạm Thị Bé		12/02/1937	271048209	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1408	184 Hà Thị Tư		3/12/1940	270565850	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1409	185 Phạm Thị Lan		05/06/1936	Không có	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1410	186 Trần Bộ		1/1/1933	270537032	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1411	187 Trần Đế		1/1/1925	270537363	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1412	188 Trần Thị Lợi		1/1/1937	271469551	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1413	189 Trần Thị Mèo		1/1/1937	270538735	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1414	Trần Văn Miếu	12/10/1930		270539009	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1415	Trần Văn Ý	7/6/1932		270301759	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1416	Trình Thị Dưỡng		1/1/1925	Không có	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1417	Trương Thị Mến		1/1/1937	285655011	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1418	Trương Văn Dũng	1/1/1933		270538631	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1419	Võ Thị Bé		1/1/1936	270537386	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1420	Võ Thị Có		1/1/1934	270537906	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1421	Võ Thị Huệ		1/1/1931	270582572	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1422	Võ Thị Khi		1/1/1934	270537033	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1423	Võ Thị Năm		1/1/1935	270537721	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1424	Võ Thị Năm		15/04/1940	270536770	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1425	Vòng Mã Sáng		1/1/1930	271084996	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1426	Vũ Thị Ba		1/1/1933	270538112	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1427	Vũ Thị Hằng		1/1/1938	271046187	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1428	Vương Văn Lâm	01/10/1939		271113722	Khu phố 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1429	Cóc Hùng	25/6/1996		Không có	Khu phố 1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1430	Đặng Hồ Thu		6/1/1985	Không có	Khu phố 1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1431	Lê Thị Hải Yến		25/12/1989	271835046	Khu phố 1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1432	Lý Chấn Kiu		1/1/1964	270538011	Khu phố 1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1433	Lý Trương Kiu		27/5/1966	271294526	Khu phố 1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1434	Ngô Thị Thanh Mai		03/02/1979	023079869	Khu phố 1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1435	Nguyễn Anh Tuấn	1/1/1966		270669513	Khu phố 1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1436	Nguyễn Cửu Nghĩa	1/8/1994		Không có	Khu phố 1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1437	Nguyễn Ngọc Danh	12/15/1979		271988840	Khu phố 1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1438	Trần Phú Hòa	11/7/1963		259889866	Khu phố 1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1439	Trương Thanh Vinh	5/4/1992		272336990	Khu phố 1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1440	Võ Thanh Quý	1/1/1981		272003615	Khu phố 1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1441	Huỳnh Anh Vỹ	1/1/1972		Không có	Khu phố 2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1442	Nguyễn Văn Hoàng	1/1/1960		270536921	Khu phố 2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1443	Phạm Thị Thu Hồng		26/3/1973	Không có	Khu phố 2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1444	Lê Văn Dũng	15/10/1993		Không có	Khu phố 3	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1445	Mai Xuân Linh	1/20/1965		270536563	Khu phố 3	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1446	Trần Hoàng Thiên	1/21/1990		Không có	Khu phố 3	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1447	Cây A Sắt		1/1/1966	270790946	Khu phố 4	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1448	Nguyễn Thế Song Nhi		25/12/1992	Không có	Khu phố 4	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1449	Nguyễn Thị Kim Phương		1/1/1975	Không có	Khu phố 4	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Tỷ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1450	226 Phan Văn Tâm	1/1/1968		Không có	Khu phố 4	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1451	227 Trần Thái Thu Phong	28/10/1983		Không có	Khu phố 4	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1452	228 Trần Tiến Đức	4/12/1996		Không có	Khu phố 4	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1453	229 Vòng Sui Cù		11/20/1958	270567877	Khu phố 4	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1454	230 Chu Minh Thoại	1/1/1962		Không có	Khu phố 5	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1455	231 Danh Hồng Hạnh		04/9/1967	270790972	Khu phố 5	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1456	232 Huỳnh Nguyễn Mỹ Uyên		1/1/1992	Không có	Khu phố 5	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1457	233 Nguyễn Đình Danh	16/9/1990		Không có	Khu phố 5	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1458	234 Tăng Gìn Hồng	1/1/1961		272422290	Khu phố 5	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1459	235 Tô Thị Hồng Hoa		6/12/1982	271463240	Khu phố 5	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1460	236 Cốc Vĩnh Sênh	29/7/1945		270668150	Khu phố 1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1461	237 Đoàn Thị Hồng Hoir		10/11/1952	272081524	Khu phố 1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1462	238 Đặng Bá Tước	15/08/1954			Khu phố 2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1463	239 Đỗ Thị Quàng		1/1/1931	270488797	Khu phố 2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1464	240 Lê Thị Ba		1/1/1923	270537286	Khu phố 2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1465	241 Trần Côn	1/1/1951		272163200	Khu phố 2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1466	242 Trần Thị Phút		1/1/1919	Không có	Khu phố 3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1467	243 Đặng Thị Hằng		1/1/1930	270538244	Khu phố 3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1468	244 Đoàn Văn Côn	1/1/1927		270536542	Khu phố 3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1469	245 Hồ Thị Nga		9/15/1945	272081042	Khu phố 3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1470	246 Hồ Thị Nghĩa		27/8/1928	270537559	Khu phố 3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1471	247 Nguyễn Thị Nữ		2/10/1993	270561775	Khu phố 3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1472	248 Đỗ Thị Đào		1/1/1922	Không có	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1473	249 Đỗ Thị Truyền		30/04/1931	190447404	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1474	250 Lê Thị Dò		2/1/1938	271211865	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1475	251 Nguyễn Nhiều	17/7/1932		270537300	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1476	252 Nguyễn Thị Ba		1/23/1935	270536970	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1477	253 Nguyễn Thị Đào		1/1/1937	270537291	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1478	254 Nguyễn Thị Nai		1/1/1929	270538000	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1479	255 Nguyễn Thị Nui		1/1/1938	270536809	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1480	256 Nguyễn Thị Phụng		1/1/1933	270539050	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1481	257 Nguyễn Thị Thắm		10/10/1953	270538649	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1482	258 Phan Công Sĩ	1/1/1929		270538198	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1483	259 Thông Nhi Mui		8/2/1948	270538640	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1484	260 Trần Thượng	4/2/1934		270877790	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1485	261 Trịnh Tuấn Nhì	2/2/1926		270522291	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1486	262 Trương Thị Nhài		1/1/1928	270537703	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1487	263 Vũ Thị Yên		1/1/1937	270537208	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1488	264 Hồ Thị Phú	1/1/1948		270301756	Khu phố 5	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1489	265 Ngô Thị Quý		1/1/1933	272081067	Khu phố 5	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1490	266 Nguyễn Thị Tuyết		1/1/1947		Khu phố 5	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1491	267 Nguyễn Thị Tường		1/1/1931	270537503	Khu phố 5	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1492	268 Nguyễn Văn Thư			271836859	Khu phố 5	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1493	269 Trần Thế Hòa	21/07/1947		270868767	Khu phố 5	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1494	270 Trần Văn Đăng	10/17/1948		270537564	Khu phố 5	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1495	271 Danh Lê Cẩm Phương	10/12/1952		Không có	Khu phố 1	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	450.000	1.500.000	
1496	272 Nguyễn Thị Thủy Quỳnh		29/04/2011	Không có	Khu phố 1	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	450.000	1.500.000	
1497	273 Nguyễn Khắc Huy		11/25/2007	Không có	Khu phố 2	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	450.000	1.500.000	
1498	274 Nguyễn Ngọc Gia Hân	16/05/2009		Không có	Khu phố 2	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	450.000	1.500.000	
1499	275 Võ Minh Trí	5/9/2005		Không có	Khu phố 2	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	450.000	1.500.000	
1500	276 Đặng Thị Thủy Phương		29/09/2015	Không có	Khu phố 4	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	450.000	1.500.000	
1501	277 Tạ Nguyễn Yên Như		7/19/2003	Không có	Khu phố 5	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	450.000	1.500.000	
1502	278 Tô Anh Kiệt	9/2/2010		Không có	Khu phố 5	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	450.000	1.500.000	
1503	279 Đinh Thị Ngọc Lộc		15/12/1967	270821440	Khu phố 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1504	280 Đinh Văn Hà	10/15/1989		Không có	Khu phố 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1505	281 Đỗ Thị Bích Liên		1/1/1965	270774764	Khu phố 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1506	282 Hồ Thị Strong		1/1/1989	Không có	Khu phố 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1507	283 Hồ Văn Phước	1/1/1981		Không có	Khu phố 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1508	284 Lê Bích Ngọc		1/2/1982	Không có	Khu phố 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1509	285 Lê Thị Liễu		1/1/1959	270573192	Khu phố 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1510	286 Nguyễn Hà Thanh Nhã		26/8/1983	271641682	Khu phố 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1511	287 Nguyễn Phúc Khánh	30/7/1969		270857575	Khu phố 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1512	288 Nguyễn Phương Hằng		1/5/1991	Không có	Khu phố 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1513	289 Nguyễn Quý Phương		4/12/1973	271048727	Khu phố 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1514	290 Nguyễn Thanh Phong	2/10/1959		272874457	Khu phố 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1515	291 Phạm Thị Hoàng Ngọc		1/8/1951	270582911	Khu phố 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1516	292 Phùng Hữu Nhân		11/15/1974	272397931	Khu phố 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1517	293 Trần Thị Thira		8/3/1979	Không có	Khu phố 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1518	294 Trần Văn Hòa	1/1/1970		Không có	Khu phố 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1519	295 Võ Thị Quế Minh		8/2/1977	Không có	Khu phố 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1520	296 La Cửu Muội	1/1/1986		Không có	Khu phố 2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1521	297 Lê Thị Thảo		6/2/1987	172860455	Khu phố 2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1522	298 Nguyễn Minh Thiế	25/3/1992		272047211	Khu phố 2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1523	299 Nguyễn Thị Mỹ Linh		9/6/2000	Không có	Khu phố 2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1524	300 Thông Xương Hồng	2/2/1969		270857039	Khu phố 2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1525	301 Trần Bình Phương	1/1/1976		Không có	Khu phố 2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1526	302 Trần Đình Cung	6/9/1957		270537289	Khu phố 2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1527	303 Trần Thị Hồng		11/1/1992	272262578	Khu phố 2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1528	304 Triệu Quốc Tiên	12/16/1968		270868666	Khu phố 2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1529	305 Trịnh Quốc Khánh	9/7/1983		Không có	Khu phố 2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1530	306 Lai Tuyết Phương		2/5/1966	270951922	Khu phố 3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1531	307 Hồ Văn Đại	31/12/1968		270868821	Khu phố 3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1532	308 Mã Sáng	12/10/1964		270561777	Khu phố 3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1533	309 Nguyễn Phú Lộc	2/28/1969		270853936	Khu phố 3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1534	310 Trần Hữu Quyền	8/22/1972		271294598	Khu phố 3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1535	311 Lê Hoàn Thành	20/06/1983		271601257	Khu phố 3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1536	312 Võ Thị Phương Linh		3/12/1970	270868622	Khu phố 3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1537	313 Đinh Thanh Duy	11/20/1983		271632743	Khu phố 4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1538	314 Hồ Xuân Nam	2/2/2000		Không có	Khu phố 4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1539	315 Lê Thanh Cường	1/7/1980		Không có	Khu phố 4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1540	316 Lê Thị Hồng Khanh		2/16/1983	271469564	Khu phố 4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1541	317 Lê Thị Thu Thủy		1/1/1964	270669702	Khu phố 4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1542	318 Lê Vương Nguyễn	23/4/1990		271851995	Khu phố 4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1543	319 Lý Quyền	1/1/1991		Không có	Khu phố 4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1544	320 Nguyễn Đức Chấn	1/1/1951		Không có	Khu phố 4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1545	321 Nguyễn Đức Hà	3/11/1973		271286924	Khu phố 4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1546	322 Nguyễn Hữu Toàn	1/1/1968		Không có	Khu phố 4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1547	323 Nguyễn Thị Thu Hồng		5/8/1977	271286876	Khu phố 4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1548	324 Trần Văn Dũng	9/12/1980		271404874	Khu phố 4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1549	325 Võ Hoài Trung	14/10/1986		271717556	Khu phố 4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1550	326 Võ Văn Quang	1/1/1962		270538785	Khu phố 4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1551	327 Huỳnh Thị Thủy Vân		15/1/1990	271851947	Khu phố 5	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1552	328 Nguyễn Huy Chánh	5/8/1974		Không có	Khu phố 5	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1553	329 Nguyễn Ngọc Linh	1/1/1977		Không có	Khu phố 5	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1554	330 Nguyễn Quý Thanh	3/1/2001		Không có	Khu phố 5	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1555	331 Nguyễn Thị Tha		1/10/1974	Không có	Khu phố 5	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1556	332 Trần Huỳnh Như An		1/18/1985	271641269	Khu phố 5	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1557	333 Trần Thị Thu Hồng		1/1/1957	270537929	Khu phố 5	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1558	334 Võ Bạch Mai		11/27/1956	271948708	Khu phố 5	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1559	335 Võ Thanh Nhân	10/20/1990		271851868	Khu phố 5	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1560	336 Lâm Mỹ Loan		14/4/2008	Không có	Khu phố 1	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1561	337 Nguyễn Hoàng Nam	10/30/2010		Không có	Khu phố 1	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1562	338 Nguyễn Đào Anh Khoa	14/04/2011		Không có	Khu phố 2	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1563	339 Kiều Thanh Tùng	24/10/2005		Không có	Khu phố 2	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1564	340 Lương Phước Tấn	3/24/2012		Không có	Khu phố 2	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1565	341 Nguyễn Thiên Nhiên		17/7/2011	Không có	Khu phố 2	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1566	342 Trần Thị Ngọc Yến		4/2/2005	Không có	Khu phố 2	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1567	343 Liêng Vĩnh Khang	5/6/2005		Không có	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1568	344 Trần Thiên Phước	12/20/2007		Không có	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1569	345 Trương Văn Phúc	5/28/2010		Không có	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1570	346 Hồ Nhứt	1/1/1949		270536624	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1571	347 Thái Thị Xy		1/1/1939	270537829	Khu phố 4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1572	348 Nguyễn Văn Lộc	1/1/1949		270669974	Khu phố 5	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1573	349 Trương Minh Nhở	13/04/1952		Không có	Khu phố 5	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	450.000	1.500.000	
1574	350 Nguyễn Ngọc Hoàng Anh		6/9/2008	Không có	Khu phố 1	Trẻ em mồ côi	450.000	1.500.000	
1575	351 Nguyễn Ngọc Vũ Trương Giang	7/12/2007		Không có	Khu phố 3	Trẻ em mồ côi	450.000	1.500.000	
1576	352 Nguyễn Ngọc Hoài Nam	11/22/2005		Không có	Khu phố 5	Trẻ em mồ côi	450.000	1.500.000	
1577	353 Lê Thu Hòa		1/5/1949	270538946	Khu phố 4	Người cô đơn dưới 80 tuổi là hộ nghèo	450.000	1.500.000	
1578	354 Lê Thu Lộc		2/23/1958	270536962	Khu phố 4	Người cô đơn dưới 80 tuổi là hộ nghèo	300.000	1.500.000	
1583	1 Chênh A Kiu		1931	270540423	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1584	2 Chênh Ứng Mùi		23/01/1928	270540384	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1585	3 Chôn Sý		1928	270790829	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1586	4 Đỉnh Thị Vương		1928	270540974	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1587	5 Đường Thành Huy	1926		270540883	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1588	6 Giêng A Mùi		1925	270540405	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1589	7 Giường Vĩnh Sang	1/8/1930		270961851	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1590	8 Hà Viết Cát	1929		270539737	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1591	9 Hoàng Thị Tương		1931	27039676	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1592	10 Hoàng Thị Tương		1929	270540800	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1593	11 Huỳnh Nam Hưng	1930		270540058	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1594	12 Lê Thị Tâm		1927	270541988	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1595	13 Liễu Thị Hò		1930	270541993	Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1596	14 Lữ Thị Xa		1929	270540431	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1597	15 Lý Sý		1919	270540348	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1598	16 Nguyễn Thị Chích		1925	270540363	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1599	17 Nguyễn Thị Hoir		1931	272003075	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1600	18 Nguyễn Văn Mùi	1931		270540301	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1601	19 Nhàng Sỹ Nhì		13/07/1927	270540563	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1602	20 Nông Sau Lân	1921			KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1603	21 Tăng A Vo	1930		270791054	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1604	22 Trần Đình Mỹ	18/07/1925		270540395	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1605	23 Trần Thị Thanh		1/10/1930	272014205	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1606	24 Trần Văn Liên	1931			KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1607	25 Vòng Cẩm Phi	1930			KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1608	26 Vòng Cầu Mùi			270540973	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1609	27 Nguyễn Thị Tường		1930	270940841	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1610	28 Lê Thị Mai		1932	270540513	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1611	29 Phạm Thị Quyên		1932	270542133	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1612	30 Nguyễn Thị Mùi		1932	270540956	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1613	31 Nguyễn Văn Luân	1932		270540105	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1614	32 Đoàn Thị Xứ		1932	270540409	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1615	33 Chàng Hồi Kỳ	1932		270575063	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1616	34 Lê Thị Cúc		1932	272497997	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1617	35 Phan Văn Hưng	9/9/1932		270540871	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1618	36 Nguyễn Thị Thuần		1933	270542045	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1619	37 Nguyễn Thị Hoàng		1933	200443154	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1620	38 Đinh Thị Lang		1933	272422308	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1621	39 Trần Thị Hiện		1933	270540062	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1622	40 Phan Văn Danh	1934		270574128	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1623	41 Nguyễn Thị Đình		1934	270574099	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1624	42 Nguyễn Thị Sáu		1934	270572423	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1625	43 Lê Thị Nghĩa		1934	270540296	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1626	44 Lý Tấn Tài	1934		270540220	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1627	45 Tấn ứng Mùi		1925		KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1628	46 Phan Kinh	1931		270961920	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1629	47 Che A Nhọc		13/10/1928		KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1630	48 Tăng Trường Múi		1934	270540013	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1631	49 Nguyễn Thị Tâm		19/11/1934		KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1632	50 Lương Thị Sáu		1934		KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1633	51 Đặng Văn Tước	1935		270542143	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1634	52 Lê Thị Lại		1935		KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1635	53 Vòng Thị Ginhh		1935		KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1636	54 Nguyễn Thị Nho		1935		KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1637	55 Nguyễn Thị Phới		1935		KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1638	56 Bùi Thị Đi		1935		KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1639	57 Nhin A Kiu		1935		KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1640	58 Phạm Thị ý		10/9/1930		KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1641	59 Nguyễn Nươn	10/4/1930			KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1642	60 Nguyễn Thị Hoàng		1936		KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1643	61 Hà Văn Xăng	1936			KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1644	62 Vòng A Nhì	1936			KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1645	63 Hồ Thị Thơi		1936		KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1646	64 Châu Ngọc Mỹ		23/3/1936		KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1647	65 Nguyễn Thị Du		4/4/1936		KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1648	66 Nguyễn Văn Túc	20/5/1936			KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1649	67 Lê Hữu Mông	1/9/1936			KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1650	68 Nguyễn Thị Dung		10/10/1936		KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1651	69 Huỳnh Thị Năm		1933		KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1652	70 Đoàn Ngọc Sơn	1937			KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1653	71 Nguyễn Thị Lang,		1937		KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1654	72 Chu Bắc Kiu		1937		KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1655	73 Chàng Cầu Múi		1937		KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1656	74 Văn Thị Hồng Kỳ		2/2/1937		KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1657	75 Nguyễn Thị Tâm		6/5/1937		KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1658	76 Sần Năm Đình		20/08/1937		KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1659	77 Chế Vòng Cù		22/08/1937		KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1660	78 Vòng A Kiu		20/10/1937		KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1661	79 Tăng Thị Thanh		1/1/1938		KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1662	80 Trần Thâm	1/1/1938			KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1663	81 Phạm Thành Đông		1/1/1938		KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1664	82 Nguyễn Thị Bảy		28/02/1938		KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1665	83 Lê Thị Liễu		20/4/1938		KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1666	84 Trần Thị Gán		11/5/1938		KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1667	85 Ung Tài Hỷ		11/8/1938		KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1668	86 Nguyễn Thị Anh		4/18/1935		KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1669	87 Lê Thị Cam		20/10/1938		Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1670	88 Nguyễn Thị Thảo		1939	270574016	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1671	89 Phạm Kim Diên		1939	270574143	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1672	90 Lý Thái Anh		20/2/1039	270540807	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1673	91 Võ Thị Hoa		1939		KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1674	92 Nguyễn Thị Lan		16/5/1939		KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1675	93 Phạm Sỹ Be		26/5/1939	270541900	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1676	94 Dương Thị Lê		20/10/1937		KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1677	95 Lâm Sanh		14/9/1939	270574142	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1678	96 Thâm Văn Niên		19/9/1939	270573614	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1679	97 Trần Thị Đế		7/1/1939	270574102	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1680	98 Bùi Thị Mao		2/6/1939	272255339	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1681	99 Nguyễn Thị Đưa		1/1/1940	270540549	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1682	100 Nguyễn Thị Niêm		1/1/1940	270574080	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1683	101 Trần Thị Rach		1/1/1940	270539727	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1684	102 Dương Thị Lệ Sương		1/1/1940	272042024	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1685	103 Hoàng Dung		1937		KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1686	104 Lê Thị Tân		1938	271758793	KP1	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1687	105 Trần Phú		1930	272397918	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1688	106 Phan Thị Truyển		1936	270540953	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1689	107 Lý Thanh		1965	270540286	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1690	108 Thông A Múi		1934	271041505	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1691	109 Huỳnh Minh Thuận		13/05/2011		KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
1692	110 Tân Nhân Sinh		23/12/2005		KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
1693	111 Phan Sóng Như		5/7/2010		KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
1694	112 Lây Anh Thư		5/11/2011		KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
1695	113 Nguyễn Thị Ánh Nguyệt		28/12/1981	271502243	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1696	114 Đặng Thị Thùy Dung		14/03/1993	272352942	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1697	115 Nguyễn Ngọc Hân		27/04/1984	271988755	KP1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1698	116 Nguyễn Thị Thủy Liên		21/04/1986		KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1699	117 Hà Phước Danh		20/07/1983	271502208	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1700	118 Nguyễn Thị Thu Sương		1988	272109915	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1701	119 Siên Cùn Dương		1961	270540577	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1702	120 Nguyễn Thanh Trung		1989		KP1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1703	121 Phan Đình Tâm		1988	272042309	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1704	122 Nguyễn Thị Ngọc Anh		31/10/1993		KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1705	123 Nguyễn Thị Thục Uyên		1996		KP1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1706	124 Huỳnh Bá Phi	1964		270791122	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1707	125 Thổ Hai	8/7/1962		270540673	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1708	126 Lê Thi Huống		10/6/1969	190436715	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1709	127 Trần Duy Việt	12/5/1972		271075366	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1710	128 Mai Văn Lang	10/4/1949		270651590	KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1711	129 Nguyễn Văn Bảy	1935		270540070	KP1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1712	130 Võ Thị Ngẫu		1936	270540339	KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1713	131 Nguyễn Văn Móng	1950		272496923	KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1714	132 Thông Sâm Mùi		1954		Kp2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1715	133 Huỳnh Thị Đức		1955	272634021	KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1716	134 Chàng Khánh Năng				KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1717	135 La Hiền Thương	31/8/1956			KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1718	136 Nguyễn Văn Chữ	14/1/1955		270983118	Kp2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1719	137 Phạm Huy Hùng	1944			KP1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1720	138 Khum Thị Tư	18/8/1954		270541954	KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1721	139 Võong A Kiu		1930	270578682	Kp2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1722	140 Nguyễn Minh Hoàng	10/3/2011			KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
1723	141 Phan Anh Khoa	13/12/2006			KP2	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1724	142 Đinh Thị Phương		24/2/2013		KP2	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1725	143 Chiềng Tuyết Lam		11/7/2008		KP2	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1726	144 Dương Thiên Phúc	7/9/2012			KP2	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1727	145 Ngô Tâm Như		6/8/2012		KP1	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
1728	146 Hà Thị Minh Thùy		21/11/1973	271075356	KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1729	147 Trần Sở Ra	1985		271603732	KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1730	148 Dương Tấn Lợi	27/10/1985			KP1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1731	149 Ưông Văn Quang	1962		272496647	KP1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1732	150 Bùi Tư Bảo Long	1979		272397994	KP1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1733	151 Trần Thanh Sơn	1959		270378617	Kp2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1734	152 Nguyễn Thị Ngọc Loan		1/9/1975	271526088	KP1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1735	153 Liu Lay Mùi		18/7/1990	271896476	KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1736	154 Sỹ Sau Hồng	7/6/1983		273131955	KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1737	155 Vòng Minh Thắng	19/09/1989		272137794	KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1738	156 Thạch Phơng La	1/1/1991			KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1739	157 Hà Xuân Hào	18/12/1961		270527717	KP1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1740	158 Trần Thị Hằng		1/1/1970	271917032	KP1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1741	159 Trần Thị Yến Thanh		7/7/1958	270136226	KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Năm	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1742	160 Vòng A Lợi	1/3/1963		270540212	KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1743	161 Lê Văn Tiêng	1971			KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1744	162 Nguyễn Vũ Thùy Tiên				KP1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1745	163 Hoàng Anh Minh	1/11/2002	14/04/2002		KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
1746	1 Bui Thi Chước		01/01/1929		10B. B.VinhA/	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1747	2 Bui Văn Hố	1932		272081259	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1748	3 Bưư Ninh	6/11/1936		272256062	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1749	4 Cao Văn Kinh	01/01/1936		270551482	Ruộng lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1750	5 Cao Thị Thu		1926	270551789		Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1751	6 Cao Thị Bê		1/1/1940	270552424	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1752	7 Cầm Tài	1/1/1940		270551168	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1753	8 Chấn A Kiếu	01/01/1920		270550810	Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1754	9 Chấn Chiêu Sáng	1/1/1936		270550458	Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1755	10 Chế Vinh	2/3/1938		272081787	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1756	11 Đặng Phong	18/10/1935		272042314	tổ 1a, BV A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1757	12 Đặng Phước Lành	01/01/1925		20097786	Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1758	13 Đặng Thị Sanh		2/4/1939	270552132	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1759	14 Đinh Hùng Tráng	5/11/1934		270551394	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1760	15 Đinh Việt Cư	01/01/1936		272042412	tổ 7, BV B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1761	16 Đinh Thị Từ		1928	270551633	Ấp R Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1762	17 Đinh Thị Luyện		1932	270551620	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1763	18 Đinh Thị Thêm	1933		270960338	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1764	19 Đinh Thị Từ		01/01/1927	270983281	7a. B.VinhA	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1765	20 Đinh Thị Được		1/1/1937	270551253	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1766	21 Đinh Thị Kiên		15/5/1937	270552385	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1767	22 Đinh Thị Nhi		1/1/1940	270961080	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1768	23 Đinh Thị Huệ		1/1/1940	272256492	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1769	24 Đỗ Thành Thời	20/10/1934		271758704	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1770	25 Đỗ Thành Trường	01/01/1925		270550831	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1771	26 Đỗ Thị Ba		1934	272163441	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1772	27 Đoàn Thị Thăng		17/3/1935	270551846	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1773	28 Đào Thị Rý	16/06/1938		270551226	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1774	29 Đoàn Thị Yên		1/4/1939	270551769	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1775	30 Dương Cù	1/1/1935		270564434	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1777	32 Dương Văn Năm	01/01/1928		320289255	2A. B.VinhA	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1778	33 Dương Thị Minh Nguyệt		1936	270119852	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1779	34 Hà Văn Khảm	8/2/1935		271631163	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1780	35 Hồ Thị Cúc		1932	270552182	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1781	36 Hồ Thị Tĩnh		20/12/1932		Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1782	37 Hồ Xá	1/1/1934		270983389	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1783	38 Hồ Thị Hiếp		9/9/1939	270852996	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1784	39 Hồ Văn Se	1/1/1940		270550793	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1785	40 Hồ Thị Châu		2/2/1940	272136853	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1786	41 Hồ Hữu Vui	16/03/1940		270551164	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1787	42 Hồ Thị Hồng		6/4/1940	272752931	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1788	43 Hoàng Ngọc Mai		01/01/1926	270668329	Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1789	44 Hoàng Phúc An	1933		272497170	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1790	45 Hoàng Thị Kỳ		01/01/1927	270134657	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1791	46 Hoàng Thị Thoại		2/3/1935	272496562	Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1792	47 Hoàng Văn Long	15/4/1933		270983767	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1793	48 Hứa Trang	15/04/1937		272137785	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1794	49 Huỳnh Đức	01/01/1925		272003387	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1795	50 Huỳnh Nhứt Cái	1/1/1935		270550467	Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1796	51 Huỳnh Thị Thăng		1932	270550635	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1797	52 Huỳnh Văn Thành	01/01/1928		270550433	Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1798	53 Huỳnh Thị Thi		10/8/2016		Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1799	54 Huỳnh Kim Hoa		15/03/1939	270550617	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1800	55 Huỳnh Thị Cúc		1/1/1940	270551484	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1801	56 La Tô	1/1/1935		270980835	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1802	57 La Thị Sau		1/1/1940	270551487	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1803	58 Lâm Thị Hương		01/01/1925	210210497	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1804	59 Lâm Văn Ván	1/1/1935		272163904	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1805	60 Lâm Sâm Mùi		17/2/1937	270551702	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1806	61 Lê Bồn	20/07/1935		270552438	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1807	62 Lê Chải	01/01/1930		272081383	1ABVinhA	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1808	63 Lê Gia Phở	1931		270983298	Áp R Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1809	64 Lê Kim Kiên	1932	01/01/1927	270551316	8A.BVinhA	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1811	66 Lê Phúc Lương			270552735	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1812	67 Lê Tấn Thiệu	01/01/1919		360799282	Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1813	68 Lê Thị Bảy		1/1/1934	270551627	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1814	69 Lê Thị Lái		01/01/1927	270552360	C. Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1815	70 Lê Thị Thành		1/1/1935	270564373	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1816	71 Lê Thị Tiên		1932	270983494	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1817	72 Lê Thị Vĩnh		1931	270551607	Ấp R Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1818	73 Lê Văn Nhân	01/01/1929		205402867	26. Ấp BV A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1819	74 Lê Việt Mãng	10/8/1936		271108871	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1820	75 Lê Văn Thiện	1935		271801414	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1821	76 Lê Thị Hiền		1/1/1937	272014401	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1822	77 Lê Thị Quế		1/1/1937	270552185	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1823	78 Lê Thị Mèo		1/1/1937	270550700	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1824	79 Lê Thị Xưa		2/3/1937	270980981	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1825	80 Lê Thị Diệp Hương		20/03/1937	270552787	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1826	81 Lê Thị Đôi		5/3/1937	270551355	Ấp R Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1827	82 Lê Thị Ân		3/8/1937	272030705	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1828	83 Lê Cảnh Đạt	20/03/1939		270983560	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1829	84 Lưu Thị Tri		21/10/1939	270550342	Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1830	85 Lương Nhì Mùi		01/01/1929	13A. Ruộng H	Người cao tuổi	300.000	300.000	1.500.000	
1831	86 Lương Thị Bốn		01/01/1927	6C. Ruộng H	Người cao tuổi	300.000	300.000	1.500.000	
1832	87 Lương Thị Dư		01/01/1930	Ấp R Lớn	Người cao tuổi	300.000	300.000	1.500.000	
1833	88 Lương Thị Tươi		01/01/1931	19. Ấp R H	Người cao tuổi	300.000	300.000	1.500.000	
1834	89 Lương Văn Tiên	1/1/1937		272634185	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1835	90 Lương Thị Sung		1/1/1939	270572227	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1836	91 Lý Thị Châu	15/12/1939		270564389	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1837	92 Lý Văn Bê	1/1/1934		270880912	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1838	93 Mai Diễm	1931		270551714	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1839	94 Mai Nghi	01/01/1920			Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1840	95 Mai Thị Xếp		1/1/1937	270537660	Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1841	96 Ngô Thị Đào		01/01/1943	272723223	Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1842	97 Ngô Thị Phương		01/01/1931	270551785	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1843	98 Ngô Thị Quới		1931	200597302	Ấp R Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1844	99 Ngô Hữu Lai	1936		270550636	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1845	100 Ngô Thị Hồng		2/2/1938	270552283	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1846	101 Ngô Thị Hợp		1/1/1939	270942958	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1847	102 Ngô Thị Dư		1/1/1940	270983526	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1848	103 Nguyễn Anh	01/01/1928		272163068	5A. Ruộng H	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1849	104 Nguyễn Đỗ	01/01/1930		270980953	3B. BVinhA	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1850	105 Nguyễn Luom	01/01/1921		272496963	SChồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1851	Nguyễn Mậu Hiền	01/01/1930		270716128	30.B Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1852	Nguyễn Thanh Bình	1/1/1935		270551720	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1853	Nguyễn Thị Bán		01/01/1920	270551338	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1854	Nguyễn Thị Cát		01/01/1923	270950891	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1855	Nguyễn Thị Cừu		1/1/1934	270537514	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1857	Nguyễn Thị Gái		01/01/1923		Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1858	Nguyễn Thị Giấy		1931	270383806	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1859	Nguyễn Thị Khóa		1932		Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1860	Nguyễn Thị Kiểm				Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1861	Nguyễn Thị Lầu			270538729		Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1862	Nguyễn Thị Lê		01/01/1923	270961186		Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1863	Nguyễn Thị Lý		1933	270161079	Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1864	Nguyễn Thị Mãng		01/01/1936	270550365	6.2, suối chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1865	Nguyễn Thị Mỹ		4/16/1905	272336884	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1866	Nguyễn Thị Năm		01/01/1933	272790028	tổ 2a, BVA	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1867	Nguyễn Thị Nhi		20/10/1935	272335828	tổ 20, BVA	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1868	Nguyễn Thị Nhi		01/01/1930	272163063	5A Ruộng H	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1869	Nguyễn Thị Nương		01/01/1930	270551933	10. BV'inh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1870	Nguyễn Thị Oai		01/01/1930	272042695	1A. BV'inhA	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1871	Nguyễn Thị Phú		1/1/1934	270551363	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1872	Nguyễn Thị Thân		01/01/1926	210551678	A. Ruộng H	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1873	Nguyễn Thị Thảo		10/1933	270582960		Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1874	Nguyễn Thị Thị		1/1/1935	270961180	Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1875	Nguyễn Thị Tinh		01/01/1936	272003712	tổ 2, BVA	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1876	Nguyễn Thị Tý		1933	272558367	Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1877	Nguyễn Thị Út	1929	01/01/1930	270550818	07.B VinhB	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1878	Nguyễn Thị Ván		01/01/1929	11.Ấp B. Vinh		Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1879	Nguyễn Tuất	1929	01/01/1927	270551150	25.Ấp R.Lời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1880	Nguyễn Văn Bình	1926		210121586	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1881	Nguyễn Văn Cơ	1929		270537513	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1882	Nguyễn Văn Cư	1930		270564375	Ấp R.Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1883	Nguyễn Đình Sáo			270564375	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1884	Nguyễn Văn Biên	1935	01/01/1931	285554136	Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1885	Nguyễn Thị Khuyển				Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1886	Nguyễn Văn Hoa	1936	10/05/1935	272335820	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1887	Nguyễn Thị Xiêm				Ấp Ruộng H	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1887			17/06/1936	270042401	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi lượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1888	143 Nguyễn Thị Mua		6/8/1936	272046381	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1889	144 Nguyễn An Mỹ	5/12/1936		271917907	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1890	145 Nguyễn Thị Na		1/1/1937		Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1891	146 Nguyễn Giáp	1/1/1937		270983267	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1892	147 Nguyễn Thị Nổi		1/1/1937	270550681	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1893	148 Nguyễn Thị Luc		1/1/1937		Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1894	149 Nguyễn Hữu Văn	16/2/1933			Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1895	150 Nguyễn Thị Mạc		01/01/1928		Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1896	151 Nguyễn Đình Quả	1/1/1937		272874521	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1897	152 Nguyễn Đình Tân	10/2/1937		272335811	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1898	153 Nguyễn Đình Hoàng	5/4/1937		272163410	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1899	154 Nguyễn Thị Điền		15/04/1937	220254427	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1900	155 Nguyễn Thị Thanh		1/2/1937	272874812	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1901	156 Nguyễn Thị Tùng		1/1/1937	272790501	4. Ruộng Hờ	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1902	157 Nguyễn Văn Tâm	3/7/1937		270551399	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1903	158 Nguyễn Thị Phở		20/10/1937	270564612	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1904	159 Nguyễn Thị Dục		1/1/1938	270551373	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1905	160 Nguyễn Tuấn	1/1/1938		272614778	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1906	161 Nguyễn Đình Đồng	1/1/1938		271988571	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1907	162 Nguyễn Văn Kế	1/1/1938			Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1908	163 Nguyễn Thị Yên	3/7/1938		271897583	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1909	164 Nguyễn Thị Phấn		16/06/1938		Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1910	165 Nguyễn Thị Mậu		1/1/1939	271975216	Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1911	166 Nguyễn Thị Thân		1/1/1939	270852931	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1912	167 Nguyễn Thị Phư		1/1/1939	272497002	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1913	168 Nguyễn Thị Phòng		15/04/1939	270551333	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1914	169 Nguyễn Duy Tân	15/05/1938		270079996	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1915	170 Nguyễn Thị Mới		10/5/1939	272081247	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1916	171 Nguyễn Thị Dung		27/07/1939	272255510	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1917	172 Nguyễn Xuân Ba		12/12/1939	272558224	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1918	173 Nguyễn Thị Thu Hà		1/1/1940	272003395	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1919	174 Nguyễn Thị Phích		1/1/1940	270552448	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1920	175 Nguyễn Văn Quân	1/1/1940		270551432	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1921	176 Nguyễn Thị Ngát		1/1/1940	270552017	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1922	177 Nguyễn Thị Hai		1/1/1940	270551480	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1923	178 Nguyễn Thị Suối		1/1/1940	272549274	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
179	Nguyễn Thị Tri		1/1/1940	270552572	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
180	Nguyễn Thị Xứng		1/1/1940	270538831	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
181	Nguyễn Thị Lệ Xuân		14/03/1940	272014921	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
182	Nguyễn Thị Mai		11/3/1940	190063332	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
183	Nguyễn Thị Giới		1/1/1940	270980823	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
184	Nguyễn Văn Quý		1/1/1940	271988806	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
185	Nguyễn The	20/04/1940		270980827	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
186	Phạm Thị Huệ		1933	272255526	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
187	Phạm Thị Phương		01/01/1930	270584575	26.B VinhB	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
188	Phạm Thị Tâm		01/01/1931	270551286	5A.Ấp R.H	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
189	Phạm Thị Y		1933	190035208	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
190	Phạm Văn Thôn	1/1/1935		270690346	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
191	Phạm Tá	1/1/1937		270852933	Ấp R.Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
192	Phạm Phú Thế	3/1/1937		270584189	Ấp BV/B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
193	Phạm Thị Kim xuyên		3/10/1937	270573365	Suối Chôn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
194	Phạm Văn Mai		7/4/1939	270551727	Ấp R.Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
195	Phạm Thị cường			272335832	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
196	Phạm Thị Nhữ		1/1/1940	272003776	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
197	Phạm Thị Long		4/4/1940	272137911	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
198	Phan Anh Nô		01/01/1927	270552282	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
199	Phan Thị Chuông	10/10/1934		272352634	1A.B VinhA	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
200	Phan Bá Đầu	1936		272042464	Suối Chôn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
201	Phan Thị Thơm		1/1/1937	270550427	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
202	Phan Thị Minh		1/1/1937	270552474	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
203	Phan Thị Nghiêm		1/1/1937	270551390	Ấp R.Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
204	Phan Văn Lơ		13/08/1937	271917020	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
205	Phan Thị Giàu		1/1/1938	272790683	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
206	Phan Thị Việt Hồng		1/1/1938	271461923	Suối Chôn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
207	Phan Thị Uyên		14/05/1938	272752583	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
208	Phan Tấn Thiết	25/03/1940		271831999	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
209	Thị Bông		01/01/1921	270551034	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
210	Thị Hè		01/01/1935	270552513	tổ 27, RLớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
211	Thị Ngỏ		1935	270552566	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
212	Thị Phụng		01/01/1936	270552715	tổ 17, BV/B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
213	Thị Lê		1/1/1937	270551448	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
214	Thái Ngọc Đình		1/1/1937	270852890	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú	
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19		
1960	215	Thái Ngọc Mai	10/10/1938		270852995	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1961	216	Thái Kiên Hoài	4/7/1939		270551662	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1962	217	Thông A Mùi		26/7/1934	270552123	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1963	218	Thông Xương Dầu	01/01/1927			Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1964	219	Trần Ban	01/01/1930		271835885	25. Ấp R. Lới	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1965	220	Trần Đức Trọng	1933		270551176	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1966	221	Trần Lạc	1932		210835101	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1967	222	Trần Đình Lộc	01/01/1936		272163259	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1968	223	Trần Đức Châu	01/01/1936		270550705	tổ 10, BVB	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1969	224	Trần Thanh Bảo	1933		272030501	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1970	225	Trần Thị Con		10/8/1935	271196403	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1971	226	Trần Thị Liễu		20/12/1933	272496733	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1972	227	Trần Thị Thanh		1931		Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1973	228	Trần Văn Thái	01/01/1936		270551549	30a, ruộng 14	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1974	229	Trần Văn Hùng	01/01/1930		270551949	2A, B.VinhA	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1975	230	Trần Văn Tâm	1/1/1935		270550409	Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1976	231	Trần Thị Gái		1936	272450125	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1977	232	Trần Thị Nhi		1/1/1937	272163905	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1978	233	Trần Thị Dý		1/1/1937	270551536	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1979	234	Trần Thị Châu		1/1/1937	270550638	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1980	235	Trần Thị Cúc		1/1/1937	270564958	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1981	236	Trần Văn Bồi	1/1/1937		272335825	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1982	237	Trần Thị Nhung	1/1/1937		272335824	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1983	238	Trần Đăng Riêng	5/8/1937		271313393	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1984	239	Trần Văn Cách	1/1/1938		27055156	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1985	240	Trần Văn Tiểu	24/01/1938		272163056	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1986	241	Trần Văn Sáu	1/1/1938		272042457	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1987	242	Trần Quang Diệu	16/10/1939		270960679	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1988	243	Trần Thị Em		1/1/1940	272496914	Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1989	244	Trần Thị Thiên		1/1/1940	270550410	Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1990	245	Trần Văn Cư	9/1/1940		271375004	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1991	246	Trần Thị Dăng		2/2/1940	272587648	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1992	247	Trần Minh Tiến	4/3/1940		270551809	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1993	248	Trần Thị Khánh		10/3/1940	272109971	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1994	249	Trần Thị Mân		1/1/1940	272496741	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1995	250	Trịnh Thị Tân		01/01/1925		Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1996	251	Trình Thị Phồng		1/1/1939	Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1997	252	Trương Hoài	01/01/1922		Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1998	253	Trương Thị An		1929	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
1999	254	Trương Thị Liễu		1/1/1937	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2000	255	Trương Văn Bình	25/02/1937		Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2001	256	Trương Thị Quyết		18/03/1939	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2002	257	Thống A Quay	2/2/1938		Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2003	258	Uông Thị Miên		01/01/1927	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2004	259	Văn Công Bông	1/1/1934		Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2005	260	Võ Thời		01/01/1936	20. Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2006	261	Võ Văn Bảy		27/09/1937	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2007	262	Võ Văn Châu		27/05/1936	A. Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2008	263	Võ Tấn Lưu	2/2/1936		Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2009	264	Võ Thị Thọ		12/9/1936	đ 13b, R Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2010	265	Võ Văn Quan	1/1/1938		8a, BVA	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2011	266	Võ Thị Hương		27/05/1936	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2012	267	Võ Thị Lùng		27/05/1936	Ruộng Hời	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2013	268	Võ Thị Thi		1/1/1939	Ruộng Lớn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2014	269	Võ Thị Nghĩa		1/1/1940	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2015	270	Vũ Thị Thêm		1/1/1940	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2016	271	Vũ Thị Nê		10/3/1940	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2017	272	Vũ Thị Loan		1933	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2018	273	Vương Hải Sơn		1/1/1937	Bảo Vinh B	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2019	274	Vương Sung	10/2/1934		Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2020	275	Vỹ Thị Trọng	14/06/1939		Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2021	276	Giống A Mùi			Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2022	277	Đặng Thị Lân		3/12/1934	Bảo Vinh A	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2023	278	Bùi Thị Thiên		1/1/1938	Suối Chồn	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2024	279	Bùi Thị Lực		01/01/1928	2A. BVA	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2025	280	Chu Thị Ngạn		12/5/1926	Bảo Vinh A	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2026	281	Chung Thị Xý		20/02/1943	Bảo Vinh A	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2027	282	Đặng Thị Xuân Minh		1935	Suối Chồn	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2028	283	Đào Thị Tăng		1949	Bảo Vinh A	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2029	284	Đào Thị Thín		1/1/1928	Ap Ruộng Hời	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2030	285	Đào Thị Gái		1934	Suối Chồn	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2031	286	Đoàn Thị Nại		12/07/1940	tổ 11, BV/B	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
			6/10/1924		Ap Ruộng Hời	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
				1/1/1940	Bảo Vinh A	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/hệ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
2032	287 Hà Văn Tiên	30/01/1960		272335840	Bảo Vinh A	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2033	288 Huỳnh Thị Ngừ		13/05/1936	272753479	Ruồng Lớn	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2034	289 Lai Thị Mỹ Hương		1/1/1938	270983776	Ấp Ruồng Hỏ	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2035	290 Lai Keo		11/2/1936	270551202	Bảo Vinh A	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2036	291 Lê Thị Hươn		01/01/1938	272396917	tổ 18, R. Lớn	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2037	292 Lê Thị Biệt		1927		Ruồng Lớn	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2038	293 Lê Đình Hương	17/08/1944		270550361	Suối Chồn	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2039	294 Lê Thị Nhiều		1/1/1948	270552651	Ruồng Lớn	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2040	295 Lý A Tài	01/01/1924			Bảo Vinh B	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2041	296 Lý Tình Hải	1932		271603645	Suối Chồn	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2042	297 Nguyễn Năm	1933			Ruồng Lớn	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2043	298 Nguyễn Thị Cút		1925	220404988	Ruồng Hới	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2044	299 Nguyễn Thị Hạnh		01/01/1950	270980820	20, Ruồng H	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2045	300 Nguyễn Thị Mừng		1939	272335835	Ruồng Hới	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2046	301 Nguyễn Thị Sào	10/10/1938		272497279	Bảo Vinh A	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2047	302 Nguyễn Văn Năm	1937		272336833	Bảo Vinh B	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2048	303 Nguyễn Thị Liễu		1948		Suối Chồn	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2049	304 Nguyễn Thị Cà		1917		Ruồng Hới	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2050	305 Nguyễn Ngọc Tân		1935		Ruồng Lớn	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2051	306 Nguyễn Thị Hương		1937		Ruồng Lớn	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2052	307 Nguyễn Thị Bàn		1/1/1932	270551711	Bảo Vinh A	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2053	308 Nguyễn Thị Xuân		6/6/1943	270742337	Bảo Vinh A	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2054	309 Nguyễn Thị Cỏ		1/1/1927	270552158	Ruồng Lớn	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2055	310 Nguyễn Thị Trinh		1/1/1929	210458903	Ruồng Lớn	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2056	311 Nguyễn Thục	1/1/1924		272397963	Ruồng Hới	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2057	312 Nguyễn Văn Bình	25/9/1959		270001612	Ruồng Hới	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2058	313 Nguyễn Thị Hương		1/1/1928	270550536	Bảo Vinh B	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2059	314 Phan Thị Thôi		1926	270551954	Bảo Vinh A	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2060	315 Thỏ Quê	1925			Suối Chồn	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2061	316 Trần Văn Đỗ	1919		270551337	Ruồng Lớn	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2062	317 Trương Đình	1925		200690016	Ruồng Hới	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2063	318 Võ Văn Cầm	1955		270551653	tổ 16a, R. Hỏ	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2064	319 Võ Thị Hà		2/10/1932	270983604	Ruồng Lớn	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2065	320 Võ Đình Kiên		14/10/1920	272047807	Ruồng Lớn	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2066	321 Võ Thị Thông		16/01/1932	210385101	Bảo Vinh A	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
2067	Trần Thị Sinh		6/4/1928	270983326	Ruộng Lớn	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2068	Trần Thị Ngón		10/2/1929		Bảo Vinh B	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2069	Trần Lúa	1/1/1925		272.003.394	Bảo Vinh B	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2070	Trần Thái	1/1/1930			Ruộng Lớn	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2071	Trần Thị Liễu		1/1/1930	270.539.128	Bảo Vinh B	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2072	Trương Thị Ứng		12/04/1946		Bảo Vinh B	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
2073	Lê Thị Thanh Diệu		2007		Bảo Vinh A	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
2074	Nguyễn Như Khánh	1/7/2006			Bảo Vinh B	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
2075	Nguyễn Vũ Minh An		7/7/2011		Bảo Vinh B	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
2076	Nguyễn Ngọc Hoàng Oanh		30/06/2004		Bảo Vinh B	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
2077	Phạm Quỳnh Hương	12/9/2011			Bảo Vinh B	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
2078	Ta Anh Tuấn	15/11/2006			Suối Chồn	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
2079	Thổ Thị Na		8/11/2004		Ruộng Lớn	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
2080	Trương Gia Bảo	14/12/2004			Ruộng Lớn	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
2081	Linh Thị Kim Hào		01/01/2009		Ruộng Hời	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2082	Bùi Nhật Ngọc Uyên		04/10/1997		Ruộng Lớn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2084	Đỗ Hoàng Long	1989		272042926	Ruộng Lớn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2085	Đỗ Thị Đình		1983	151424875	Suối Chồn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2086	Dương Đăng Trung Hiếu	1998			Bảo Vinh A	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2087	Huỳnh Hữu Lâm	4/12/2001			Ruộng Lớn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2088	Lục Mui Hai	18/01/2001			Ruộng Hời	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2089	Vũ Quốc Toàn	2/1/1966		271642435	Ruộng Hời	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2090	Ngô Thị Lệ Tiên	23/12/1967		270857068	Ruộng Hời	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2091	Nguyễn An Triển	20/11/1987		271773794	Ruộng Lớn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2092	Nguyễn Công Nuôi	1963		272109150	Ruộng Lớn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2093	Nguyễn Đức Tinh	13/2/1974		271480692	Ruộng Lớn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2094	Nguyễn Duy Khánh	1982			Suối Chồn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2095	Nguyễn Thái Hòa	1991		272256059	Ruộng Lớn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2096	Nguyễn Thanh Lâm	1965		280402479	Ruộng Lớn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2097	Nguyễn Thị Huệ		26/6/1966		Ruộng Hời	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2098	Nguyễn Thị Hùng		1962		Ruộng Hời	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2099	Nguyễn Thị Liễu		27/11/1974	271113172	Ruộng Hời	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2100	Nguyễn Thị Lộc		01/01/1984	271601205	Đổ 30, R Lớn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2101	Nguyễn Thị Ru Tơ		1965		Bảo Vinh A	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2102	Nguyễn Thị Thủy		1965	271401039	Ruộng Lớn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2103	Nguyễn Văn Hà	1974		271113533	Bảo Vinh B	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
2104	359 Nguyễn Vĩnh Linh	1976		271285486	Ruộng Lớn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2105	360 Nguyễn Đăng Nhật Rìn	1984			Bảo Vinh A	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2106	361 Nguyễn Văn Công	1987		272356436	Ruộng Hới	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2107	362 Phạm Thị Ngọc Như		01/01/1984		tổ 25, RLôm	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2108	363 Phạm Việt Long	20/5/1976		272586740	Bảo Vinh B	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2109	364 Phạm Minh Tuấn	25/10/1971		271113345	Bảo Vinh B	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2110	365 Phạm Văn Khanh	10/2/2002			Ruộng Lớn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2111	366 Phan Thủy Hằng		1994		Ruộng Hới	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2112	367 Trần Minh	13/10/1981			tổ 23, RLôm	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2113	368 Trần Lý Thu Hương	15/9/1993			Bảo Vinh A	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2114	369 Trương Văn Ngọc	1962		270555313	Suối Chôn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2115	370 Văn Văn Lý	10/11/1972		272047625	Bảo Vinh B	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2116	371 Văn Phú Thoại	1995			Bảo Vinh A	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2117	372 Văn Hôn Trung	13/02/1981		271396181	Suối Chôn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2118	373 Lê Văn Quốc	1972			Bảo Vinh A	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2119	374 Lê Hồng Cửu Long	8/1/1993			Bảo Vinh A	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2120	375 Lê Thị Hoàng Loan		1964		Ruộng Lớn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2121	376 Lê Văn Hùng	1/1/1975		271150415	Ruộng Hới	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2122	377 Lê Bình Nguyễn	22/12/2003			Bảo Vinh B	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2123	378 Nguyễn Thị Kim Lan		01/01/1966		Bảo Vinh A	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2124	379 Nguyễn Thị Thái Mỹ		13/04/2003		Suối Chôn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2125	380 Nguyễn Thanh Phong	24/08/1982		272397893	Suối Chôn	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2126	381 Lương Thị Thanh Xuân		01/01/1974		Bảo Vinh A	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
2127	382 Lê Thị Hào		01/01/1994		Bảo Vinh A	Khuyết tật đặc biệt nặng	450.000	1.500.000	
2128	383 Âu Công Thắng	13/1/1977		271449825	Bảo Vinh A	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2129	384 Dương Anh	1/11/1964		270983341	Ruộng Lớn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2130	385 Đinh Thị Hồng Vân		1972	270970809	Bảo Vinh B	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2131	386 Đinh Thị Ren		1960	270970809	Bảo Vinh B	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2132	387 Đinh Viết Toàn	1966		271641717	Bảo Vinh B	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2133	388 Đinh Xuân Trung	30/10/1977		271229819	Bảo Vinh A	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2134	389 Đặng Ngọc Thu Sang		06/09/1992	272163650	Ruộng Hới	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2135	390 Đoàn Thanh Tùng	22/07/1990		271918629	Bảo Vinh B	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2136	391 Đỗ Anh Dũng	21/11/2001			Ruộng Hới	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2137	392 Dương Thị Tâm		1969	270853194	Bảo Vinh A	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2138	393 Hồ Thanh Trà	19/12/1980			Bảo Vinh A	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2139	394 Hoàng Long	1993		272236586	Bảo Vinh B	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
2140	Hoàng Thị Mỹ Linh		1989		Ruộng Hời	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2141	Hoàng Thị Kim Uyên		26/12/1981		Ruộng Hời	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2142	Huỳnh Phúc Tài	1971		270960906	Bảo Vinh B	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2143	Huỳnh Tân Phú	1979			Bảo Vinh A	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2144	Lâm Thị Minh Lan		25/04/1969	270960668	Ruộng Lớn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2145	Lê Thái Minh	1962		270564677	Bảo Vinh B	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2146	Lê Thị Mươi		1965		Bảo Vinh A	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2147	Lê Văn Hà	1/9/1967			Bảo Vinh A	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2148	Lê Viết Hùng	5/8/1968		270853083	Ruộng Hời	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2149	Lê Văn Phi	5/4/1999			Ruộng Hời	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2150	Lương Thị Loan		16/09/1969	271075818	25.Ruộng L	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2151	Lục Thủ Nam	11/1/1965		270853344	Ruộng Hời	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2152	Mai Thị Long		1961		Bảo Vinh B	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2153	Ngô Thanh Tâm	1984		271600558	Ruộng Lớn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2154	Ngô Thị Kim Liên		1981		Bảo Vinh B	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2155	Nguyễn Hữu Tâm	15/5/1988		271396190	Ruộng Hời	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2156	Nguyễn Minh Quân	1994		272497043	Suối Chồn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2157	Nguyễn Ngọc Dũng	30/8/1987		272824562	Bảo Vinh B	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2158	Nguyễn Phương Anh		1991		Ruộng Lớn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2159	Nguyễn Quốc Hải	20/4/1974		271172500	Bảo Vinh A	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2160	Nguyễn Quốc Trí	1987		271773821	Bảo Vinh B	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2161	Nguyễn Quốc Việt	1992		272352743	Ruộng Hời	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2162	Nguyễn Thị Bình		7/2/1976	271229761	Ruộng Hời	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2163	Nguyễn Thị Phước		1961	270552652	Ruộng Hời	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2164	Nguyễn Thị Thanh Thanh		15/01/1998	272614145	Ruộng Lớn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2165	Nguyễn Thị Thanh Thủy		1989	271831400	Ruộng Hời	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2166	Nguyễn Thị Thu Trang		1991		Ruộng Hời	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2167	Nguyễn Thị Thúy Nga		1979		Suối Chồn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2168	Nguyễn Thị Tuyết Nga		1979		Ruộng Lớn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2169	Nguyễn Tống Lộc	1994			Ruộng Lớn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2170	Nguyễn Văn Dũng	10/04/1973		27115086	Ruộng Lớn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2171	Nguyễn Văn Hai	1/1/1964		270573725	tổ 30, BV/B	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2172	Nguyễn Văn Nhàn	1984		271600641	Ruộng Hời	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2173	Nguyễn Phúc Vinh	1998			Bảo Vinh B	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2174	Nguyễn Quốc Huy	1996			Ruộng Hời	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2176	Nguyễn Kiều Oanh		28/10/1992	272109797	Bảo Vinh A	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
2177	432	Nguyễn Văn Lăng	15/10/1960		Bảo Vinh B	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2178	433	Nguyễn Phương Minh	27/02/1989		Bảo Vinh B	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2179	434	Nguyễn Thị Tuyết	14/11/1973		Bảo Vinh B	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2180	435	Nguyễn Sư Ý	22/01/1988		Ruộng Hới	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2181	436	Phạm Văn Được	29/4/1961		Bảo Vinh B	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2182	437	Phạm Văn Trọng	5/13/1965		BVA	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2183	438	Phạm Trương Minh Nghĩa	12/12/2003		Ruộng Hới	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2184	439	Phạm Minh Trường	1993		Bảo Vinh A	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2185	440	Phan Thị Ngọc Hiền	1979		Suối Chồn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2186	441	Thỏ Huỳnh	1/1/1965		Ruộng Lớn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2187	442	Trần Hữu Lâm	27/12/1990		to 23, RLớn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2188	443	Trần Thị Hiền	01/01/1983		BVB	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2189	444	Trần Thị Lệ Châu	07/05/1965		Ruộng Lớn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2190	445	Trần Thị Lệ Nhung	28/10/1962		Suối Chồn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2191	446	Trần Trung Hiếu	1998		Ruộng Lớn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2192	447	Trần Hương Phú	9/11/1969		Ruộng Lớn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2193	448	Trần Thanh Quân	29/10/2001		Ruộng Hới	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2194	449	Trương Ngọc Nhung	20/2/1999		Bảo Vinh B	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2195	450	Trương Nhật Minh	20/5/1997		Bảo Vinh A	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2197	452	Vân Công Bằng	20/10/1960		Bảo Vinh A	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2198	453	Vân Công Thịnh	26/12/2003		Bảo Vinh A	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2199	454	Vân Hồng Ân	10/12/1978		Bảo Vinh A	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2200	455	Vân Thị Hồng Trinh	5/5/1997		Bảo Vinh A	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2201	456	Vinh Toàn	01/01/1972		Ruộng Hới	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2202	457	Vô Thị Ngọc Liên	1989		Bảo Vinh B	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2203	458	Vô Thị Oanh	1967		Ruộng Hới	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2204	459	Vô Thị Thảo Linh	1993		Bảo Vinh B	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2205	460	Vòng A Kiệt	1963		Suối Chồn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2206	461	Vòng Chánh Dương	29/04/1964		BVA	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2207	462	Vũ Mai Phương	1996		Ruộng Hới	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2208	463	Vũ Văn Sinh	1981		Ruộng Lớn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2209	464	Vũ Thị Dung	18/07/1962		Bảo Vinh B	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2210	465	Nguyễn Hưng Thọ	24/4/1968		Bảo Vinh A	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2211	466	Trần Văn Quang	01/01/1966		Bảo Vinh A	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2212	467	Nguyễn Văn Dân	01/01/1982		Bảo Vinh A	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2213	468	Phan Thị Mỹ Nhân	10/11/2003		Bảo Vinh A	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
2214	Phạm Thị Thanh Thủy		16/03/1989	271918667	Bảo Vinh A	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2215	Phạm Văn Hà	20/05/2000			Ruộng Lớn	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
2216	Đỗ Thị Mến		1950		Bảo Vinh B	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2217	Huỳnh Văn Thắng	1948		270640954	Ruộng Lớn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2218	Lê Lầu	1950		270552099	Ruộng Lớn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2219	Lê Văn Tháo	1949		270983138	Ruộng Hời	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2220	Lê Thị Hai		1/1/1944	272960025	Suối Chồn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2221	Lý Đề		20/8/1950	270640954	Ruộng Lớn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2222	Lý Hồng Thanh	23/03/1958		270551435	Ruộng Lớn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2223	Lê Thị Hồng Phương		1/1/1956	270551543	Ruộng Lớn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2224	Huỳnh Đức Thọ	1956		272047981	Bảo Vinh A	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2225	Huỳnh Long	1/1/1931		270552364	Ruộng Hời	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2226	Võ Thị Thu		1/1/1958	270550868	Bảo Vinh B	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2227	Thị Hạnh		1955		Ruộng Lớn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2228	Thị Hương		1/1/1957		Suối Chồn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2229	Nguyễn Khởi	1945		270552554	Ruộng Lớn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2230	Nguyễn Thị Phương		1/1/1960	270640954	Ruộng Hời	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2231	Nguyễn Văn Lý		1943	270640954	Ruộng Hời	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2232	Nguyễn Thị Vy	20/10/1945			tổ 17, R Lớn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2233	Nguyễn Quang Viễn	20/06/1941			tổ 1, BVA	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2234	Nguyễn Thị Lý		1952	270552088	Ruộng Hời	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2235	Nguyễn Thị Thương	2/4/1956		271229938	Bảo Vinh A	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2236	Nguyễn Ngọc Dư	24/9/1956			Ruộng Hời	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2237	Nguyễn Đức Hân	7/1/1951		272356772	Suối Chồn	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2238	Nguyễn Thị Liên	1/1/1955			Ruộng Hời	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2239	Nguyễn Văn Trường	10/12/1950		272982756	Ruộng Hời	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2240	Thái Ngọc Định	1950		270551830	Ruộng Hời	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
2241	Văn Công Lạc		2005		Bảo Vinh A	Khuyết tật nặng là Trẻ em	600.000	1.500.000	
2242	Nguyễn Gia Huy	22/7/2012			Bảo Vinh A	Khuyết tật nặng là Trẻ em	600.000	1.500.000	
2243	Nguyễn Lê Ngọc Liên		21/12/2014		Suối Chồn	Khuyết tật nặng là Trẻ em	600.000	1.500.000	
2244	Nguyễn Thiên Ân		25/01/2010		Bảo Vinh B	Khuyết tật nặng là Trẻ em	600.000	1.500.000	
2245	Nguyễn Như Thảo Oanh		2012		Bảo Vinh A	Khuyết tật nặng là Trẻ em	600.000	1.500.000	
2246	Dương Nguyễn Trà My	25/05/2008			Bảo Vinh A	Khuyết tật nặng là Trẻ em	600.000	1.500.000	
2247	Đinh Trọng Hoàng Thành	24/02/2011			Bảo Vinh B	Khuyết tật nặng là Trẻ em	600.000	1.500.000	
2248	Lâm Quốc Anh								
2249									
2250									